

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 3 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết.

Bà Nguyễn Hải Âu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Nhã Ph, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp Nh, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Tô Văn P, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp Nh, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Nhã Ph trình bày: Chị và anh Tô Văn P chung sống với nhau vào ngày 15/12/2009, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không khắc phục được; chị và anh P đã sống ly thân hơn 04 năm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh P. Thời gian chung sống vợ chồng có một con chung tên Tô Kim Đậm, sinh ngày 24/6/2011, hiện đang do anh P nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Ph yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Anh Tô Văn P trình bày: Quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, tài sản chung và nợ chung chị Ph trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung cho chị Ph nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Nhã Ph và anh Tô Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Nhã Ph thấy rằng: Chị Ph và anh P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng lại không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy Tòa án không xem xét chấp nhận hoặc không chấp nhận cho chị Ph ly hôn với anh P mà tuyên bố không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Ph yêu cầu được nuôi cháu Kim Đậm, anh P đồng ý, trong khi nguyện vọng của cháu Đậm cũng muốn sống với chị. Do vậy công nhận sự thỏa thuận của chị Ph và anh P, giao cháu Đậm cho chị Ph nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị Ph không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph và anh P xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên chị Ph phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Nhã Ph và anh Tô Văn P là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Nhã Ph và anh Tô Văn P. Buộc anh Tô Văn P có nghĩa vụ giao cháu Tô Kim Đậm, sinh ngày 24/6/2011 cho chị Nguyễn Nhã Ph trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị Ph không yêu cầu nên không xem xét buộc anh Tô Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tô Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Nhã Ph phải chịu 300.000 đồng. Chị Ph đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm

theo biên lai thu tiền số 0011865 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị Ph đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Ph, anh P có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Liêu Chí Khanh